

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2025/HC-PT

Ngày 17-9-2025

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán:

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoàng Lan - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 454/2025/TLPT-HC ngày 11 tháng 6 năm 2025, về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2025/HC-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nay là Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1175/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1959; cư trú tại: Số E, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau); có mặt.

Chỗ ở hiện tại: Số A N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Nguyễn Nhật T1 và bà Đoàn Thị Kiều N; cư trú tại: B N, phường X, TP .; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Bà Nguyễn Thị T2 là Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: B N, phường X, TP .; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; địa chỉ: Số E, đường N, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C; địa chỉ: Số B, Đường H, phường T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

3. Ủy ban nhân dân thành phố B.

Cùng địa chỉ: Số B, đường T, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Cà Mau; địa chỉ: Số B, phường B, tỉnh Cà Mau; có đơn vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh B; địa chỉ: Số E, đường N, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C; địa chỉ: Số B, Đường H, phường T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B. Địa chỉ: Số B, đường T, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Cà Mau; địa chỉ: Số B, phường B, tỉnh Cà Mau; có đơn vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bà Bùi Thị T là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện bà Bùi Thị T trình bày:

Ngày 30/7/1992, bà có sang nhượng diện tích đất 1.261,5m² của ông Phạm Gia H thuộc thửa 17, tờ bản đồ số 2 (khu A) và sử dụng ổn định lâu dài, có đóng thuế sử dụng đất. Đến ngày 11/01/2007, Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) ban hành Quyết định số 23/QĐ-UB về việc chi trả tiền bồi thường thu hồi đất đối với hộ gia đình bà tại số E, khóm G, phường A, thị xã B (nay là thành phố B), bà không đồng ý nên khiếu nại Quyết định số 23/QĐ-UB yêu cầu bồi 02 nền tái định cư và bán 01 nền tái định cư; bồi thường cây trái hoa màu theo biên bản kiểm kê; bồi thường đất, cây trái, hoa màu theo bảng giá mới.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B ban hành Quyết định số 56/QĐ-UBND, ngày 12/3/2009 chấp nhận một phần đơn khiếu nại của bà về việc tính toán bồi thường bổ sung cây, trái, hoa màu còn thiếu so với biên bản kiểm kê, giám định.

Bà tiếp tục khiếu nại đến Thanh tra tỉnh nên ngày 01/12/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết yêu cầu khiếu nại số 3241/QĐ-UBND

có nội dung “bác đơn khiếu nại của bà Bùi Thị T về các nội dung khiếu nại, lý do việc tính toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật”.

Bà tiếp tục khiếu nại với yêu cầu “tái định cư hình thức đất đổi đất 03 nền, nếu không đổi thì bán bằng với giá đất thu hồi (tức là 100.000 đồng/m²); bồi thường 450.000 đồng/m², đất nông nghiệp 285.000 đồng/m²; bồi thường giá nhà, vật kiến trúc theo giá mới; bồi thường cây trái hoa màu theo biên bản kiểm kê ngày 30/09/2002 theo giá mới; phần diện tích đất 625m² bồi thường thiếu phải bồi thường theo giá mới; yêu cầu cung cấp toàn bộ phương án tổng thể khu vực đất thu hồi của trung tâm hành chính tỉnh...”. Ngày 04/02/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 279/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3241/QĐ-UBND.

Bà không đồng ý và tiếp tục khiếu nại Quyết định số 279/QĐ-UBND, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành công văn số 4552/UBND-NCPC ngày 08/11/2013 trả lời đơn khiếu nại: yêu cầu bà và các ngành chức năng có liên quan thực hiện nội dung kết luận giải quyết tại Quyết định số 279/QĐ-UBND và Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 18/06/2013.

Bà không đồng ý và tiếp tục khiếu nại; đến ngày 14/07/2023, bà nhận được Thông báo số 89/TB-UBND, ngày 07/07/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (ghi là Thông báo số 89) thông báo về việc chấm dứt xem xét đối với khiếu nại của bà Bùi Thị T nội dung “không phát sinh tình tiết, chứng cứ gì mới để làm thay đổi nội dung bản chất sự việc, việc giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B là đúng quy định của pháp luật. Vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh T3 kể từ ngày ban hành văn bản này, các cơ quan hành chính Nhà nước không thụ lý giải quyết đối với đơn khiếu nại của bà Bùi Thị T. Yêu cầu bà Bùi Thị T thực hiện Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 18/06/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc điều chỉnh đối với một phần nội dung Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 04/02/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”.

Tổng số tiền gia đình bà đã thực nhận là khoảng 306.000.000 đồng nhưng bà không đồng ý mà yêu cầu được bồi thường theo giá đất năm 2019 đối với diện tích 1.258,5m². Đồng thời, diện tích đất thổ cư của bà bị thu hồi là 300m² nhưng chỉ giao cho bà 02 nền tái định cư theo hình thức thu 100% tiền sử dụng đất (50.000.000đ/nền). Bà không đồng ý với giá đất và liên tục khiếu nại từ năm 2007 đến năm 2023, thế nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B lại ban hành Thông báo số 89 chấm dứt xem xét khiếu nại là không đúng quy định. Nay bà yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Thông báo số 89/TB-UND, ngày 07/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc chấm dứt xem xét đối với khiếu nại của bà Bùi Thị T.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ra quyết định giải quyết khiếu nại đối với bà về việc thu hồi diện tích đất 1.258,5m² để xây dựng trụ sở Trường chính trị tỉnh Bạc Liêu (185m², có 3m² đã thu hồi) và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (1.076,5m²).

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B ra quyết định thu hồi đất đối với phần đất có diện tích 185m² để xây dựng trụ sở Trường chính trị tỉnh Bạc Liêu (trong đó có 3m² đã thu hồi) và phần diện tích đất 1.076,5m² để xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Yêu cầu chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ra quyết định bồi thường giá trị đất đối với phần đất diện tích 182m² để xây dựng trụ sở Trường chính trị tỉnh Bạc Liêu và phần diện tích đất 1.076,5m² để xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu và phải được hưởng chế độ được đổi 01 nền đất thổ cư theo Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 01/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và yêu cầu được mua 01 nền đất thổ cư do gia đình nhiều thế hệ theo biên bản kiểm kê ngày 30/9/2002.

Ngày 16/9/2024 và tại phiên tòa hôm nay, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ra quyết định giải quyết khiếu nại đối với bà về việc thu hồi diện tích đất 1.258,5m² để xây dựng trụ sở Trường chính trị tỉnh Bạc Liêu (182m²) và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (1.076,5 m²).

Tại phiên tòa, bà T xác định bà khởi kiện yêu cầu Tòa án:

+ Huỷ thông báo số 89/TB-UBND ngày 7/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc chấm dứt xem xét đối với khiếu nại của bà Bùi Thị T.

+ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất đối với phần đất có diện tích đất 1.258,5 m² để xây dựng trụ sở Trường chính trị tỉnh Bạc Liêu và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu

+ Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ra Quyết định bồi thường giá trị đất đối với phần đất có diện tích đất 1.258,5 m² để xây dựng trụ sở Trường chính trị tỉnh Bạc Liêu và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu và phải được hưởng chế độ được đổi 01 nền đất thổ cư theo Quyết định số 3241 ngày 01/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh B và yêu cầu được mua 01 nền đất thổ cư do gia đình nhiều thế hệ theo biên bản kiểm kê ngày 30/9/2002.

2. Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B, đồng thời là đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:

Bà Bùi Thị T có tổng diện tích đất bị thu hồi là 1.261.5m²; trong đó:

Thu hồi 03m² theo quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 19/3/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh B thu hồi đất vườn được để giao cho T1 chính trị tỉnh Bạc Liêu thuộc dự án xây dựng Trường chính trị tỉnh B do T1 chính trị làm chủ đầu tư.

Thu hồi 1.258,5m² theo Quyết định số 363/QĐ-TTG ngày 30/5/2000 của Thủ tướng chính phủ về việc giao đất cho ban điều hành quản lý dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu hành chính quản lý sử dụng xây dựng Trung tâm hành chính tỉnh theo quy hoạch.

- Đối với dự án xây dựng Trường Chính trị tỉnh B: đã bố trí cho bà T 01 nền tái định cư tại nền số C, Lô S, khu phía Bắc T và bồi thường giá trị 03m² này. Bà T không khiếu nại phần này,

- Đối với dự án xây dựng Trung tâm hành chính tỉnh: Ngày 11/01/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường thu hồi đất đối với hộ bà T. Tổng cộng số tiền bồi thường, hỗ trợ bà T nhận được sau khi đã đối trừ nghĩa vụ tài chính và tiền nền tái định cư là 84.268.000 đồng.

Bà T không đồng ý nên làm đơn khiếu nại. Ngày 12/3/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B ban hành Quyết định số 56/QĐ-UBND về việc giải quyết yêu cầu khiếu nại, chỉ chấp nhận bồi thường bổ sung cây trái hoa màu theo Biên bản kiểm kê ngày 30/9/2002 và ngày 11/11/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 1054/QĐ-UBND chi trả bồi thường, hỗ trợ cây trái hoa màu số tiền 22.516.200 đồng cho hộ bà T; bà T tiếp tục khiếu nại.

Ngày 01/12/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 3241/QĐ-UBND với nội dung: giữ nguyên Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 12/3/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B. Đến ngày 28/6/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Công văn số 1420/ĐC-UBND đính chính Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 01/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bố trí nền tái định cư tại Khu dân cư B

Từ năm 2013 đến năm 2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B nhiều Quyết định liên quan đến giải quyết khiếu nại, về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ bà T. Bà T đã nhận được số tiền 306.336.675 đồng và 02 nền tái định cư. Bà T không đồng ý với nội dung các quyết định giải quyết nêu trên tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đã chỉ đạo cơ quan chức năng kiểm tra, rà soát lại yêu cầu của bà T. Tuy nhiên, kết quả kiểm tra không có tình tiết, chứng cứ gì mới so với trước đây nên Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Thông báo số 89/TB-UBND ngày 07/7/2023 về việc chấm dứt xem xét đối với khiếu nại của bà Bùi Thị T là đúng quy định pháp luật.

3. Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, Ủy ban nhân dân thành phố B đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết vụ án quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2025/HC-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nay là Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

- Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 143, khoản 1 Điều 158, Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T đối với yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ra quyết định giải quyết khiếu nại đối với bà về việc thu hồi diện tích đất 1.258,5m² để xây dựng trụ sở Trường chính trị tỉnh Bạc Liêu (182m²) và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (1.076,5m²).

2. Bác các yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T đối với yêu cầu:

+ Hủy Thông báo số 89/TB-UND, ngày 07/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc chấm dứt xem xét đối với khiếu nại của bà Bùi Thị T.

+ Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B ra quyết định thu hồi đất đối với phần đất có diện tích đất 1.258,5m² để xây dựng trụ sở Trường chính trị tỉnh Bạc Liêu và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu

+ Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ra quyết định bồi thường giá trị đất đối với phần đất diện tích đất 1.258,5m² để xây dựng trụ sở Trường chính trị tỉnh Bạc Liêu và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu và phải được hưởng chế độ được đổi 01 nền đất thổ cư theo Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 01/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và yêu cầu được mua 01 nền đất thổ cư do gia đình nhiều thế hệ theo biên bản kiểm kê ngày 30/9/2002.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/4/2025 bà T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập Quyết định số 27, Quyết định số 973 của UBND tỉnh B về bồi thường; vi phạm khoản 8 Điều 55 Luật Tố tụng hành chính. Bà T khiếu nại liên tục từ năm 2008 đến nay, Quyết định số 3241 là quyết định giải quyết cuối cùng là không phù hợp; Thông báo số 89 không giải quyết quyền lợi cho bà T là không đúng; các quyết định giải quyết không đúng quy định của pháp luật, không đúng vị trí đất, bồi thường không tương xứng với giá thị trường. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm; hủy các văn bản quyết định bị khởi kiện, bồi thường cho đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm: Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng, các bên đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo của bà T là không có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử, bác đơn kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị T đúng quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, được Tòa án triệu tập nhiều lần và vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Bộ luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3]. Xét kháng cáo của bà Bùi Thị T:

[3.1 Theo Quyết định số 363/QĐ-TTG ngày 30/5/2000 của Thủ tướng Chính phủ, giao cho Ban điều hành quản lý Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu hành chính quản lý, sử dụng xây dựng Trung tâm hành chính tỉnh Bạc Liêu theo quy hoạch; trong đó có 1.258,5m² đất của bà T, phù hợp khoản 4 Điều 13, khoản 1 và khoản 4 Điều 16, khoản 2 Điều 18, Điều 27 và điều 32 Luật đất đai năm 1993 nay là khoản 2 Điều 26, Điều 29 Luật đất đai năm 2003. Do đó, bà T kháng cáo cho rằng không ban hành quyết định thu hồi đất là không đúng pháp luật, là chưa có cơ sở.

[3.2]. Ngày 11/01/2007 UBND thị xã B ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBND, về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của bà T; bà T không đồng ý tiếp tục khiếu nại, sau khi kiểm tra bổ sung hoa màu, cây trái trên đất, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1054/QĐ-UBND, về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung cây trái, hoa màu cho bà T 22.516.200 đồng. Như vậy, từ năm 2013 đến năm 2023 UBND và Chủ tịch UBND thành phố B đã xem xét giải quyết bồi thường, hỗ trợ đất và cây trồng trên đất theo giá đất năm 2007 là có lợi cho bà T, bà T đã nhận tổng cộng 306.336.675 đồng và mua 3 nền tái định cư thanh toán tiền khấu trừ xong là phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho gia đình của bà T. Do đó, bà T kháng cáo yêu cầu áp giá đất hiện nay để bồi thường cho bà T là không phù hợp với thời điểm thu hồi đất năm 2000.

[3.3]. Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết khiếu nại lần hai của bà T bằng Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 01/12/2010; đến ngày 28/6/2011 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Công văn số 1420/ĐC-UBND, đính chính Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 01/12/2010 về việc bố nền tái định cư cho bà T tại khu dân cư B Tuy nhiên, bà T vẫn tiếp tục khiếu nại nên Chủ tịch UBND tỉnh B ra Thông báo số 89/TB-UBND ngày 07/7/2023, về việc chấm dứt xem xét đối với khiếu nại của bà T là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật.

[4]. Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Nay bà T là người kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; Hội đồng xét xử thấy lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; không chấp nhận đơn kháng cáo của bà T; giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm nhưng do người cao tuổi nên bà T được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Bùi Thị T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2025/HC-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nay là Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau như sau:

- Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 143, khoản 1 Điều 158, Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 4 Điều 13, khoản 1 và khoản 4 Điều 16, khoản 2 Điều 18, Điều 27 và điều 32 Luật đất đai năm 1993 nay là khoản 2 Điều 26, Điều 29 Luật đất đai năm 2003; Điều 75 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T đối với yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ra quyết định giải quyết khiếu nại đối với bà về việc thu hồi diện tích đất 1.258,5m² để xây dựng trụ sở Trường chính trị tỉnh Bạc Liêu (182m²) và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (1.076,5m²).

2. Bác các yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T đối với yêu cầu:

+ Hủy Thông báo số 89/TB-UND, ngày 07/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc chấm dứt xem xét đối với khiếu nại của bà Bùi Thị T.

+ Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B ra quyết định thu hồi đất đối với phần đất có diện tích đất 1.258,5m² để xây dựng trụ sở Trường chính trị tỉnh Bạc Liêu và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

+ Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ra quyết định bồi thường giá trị đất đối với phần đất diện tích đất 1.258,5m² để xây dựng trụ sở Trường chính trị tỉnh Bạc Liêu và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu và phải được hưởng chế độ được đổi 01 nền đất thổ cư theo Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 01/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và yêu cầu được mua 01 nền đất thổ cư do gia đình nhiều thế hệ theo biên bản kiểm kê ngày 30/9/2002.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Bùi Thị T được miễn.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Bùi Thị T được miễn.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hòa Hiệp - Đinh Ngọc Thu Hương

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;

- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh;

- TAND tỉnh Cà Mau;

- VKSND tỉnh Cà Mau;

- THADS tỉnh Cà Mau;

- Các đương sự;

- Lưu VP, HS, NTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

